

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST

Ngày: 28/3/2018

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Bùi Quang Phúc.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLST-KDTM ngày 15/12 /2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Tên viết tắt S)

Địa chỉ: A, Trần Hưng Đ, phường Phan Chu T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 953/QĐ-SeABank ngày 27/8/2014): Ông Vũ Đình K – Trưởng ban xử lý nợ Miền Bắc kiêm trưởng ban xử lý nợ Miền Nam.

Người được ủy quyền lại (Theo giấy ủy quyền số 1172/2018/UQ - SeABank ngày 29/01/2018, thay thế giấy ủy quyền số 4385/2016/UQ – SeABank ngày 27/9/2016): Ông Đình Quang H – Trung tâm xử lý nợ Miền Bắc – Khối xử lý nợ và tái cấu trúc – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Quý P, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (Tên viết tắt S) trình bày:

Ngày 01/02/2016 vợ chồng ông Phạm Quý P, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Hải Dương (S Hải Dương) ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 115/2016/HĐHMTD với nội dung: Ông P, bà H vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hải Dương số tiền 350.000.000đồng, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân, nhận nợ được ghi trong khế ước (Giấy nhận nợ) là 7,9%/năm/3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất 10,35%/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc. Thời hạn vay 06 tháng kể từ thời điểm giải ngân theo giấy nhận nợ ngày 02/02/2016 thời hạn vay tính từ ngày 02/02/2016 đến ngày trả cuối cùng là ngày 02/8/2016. Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng, gốc trả một lần hoặc nhiều lần. Mục đích sử dụng vốn vay: Kinh doanh vật liệu xây dựng cốt pha. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản tiền vay ông Ph và bà H đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 115/2016/HĐTC ngày 01/02/2016, tài sản thế chấp tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 6, diện tích 101,0m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN744451 do UBND huyện G, tỉnh Hải Dương cấp ngày 20/5/2014. Tài sản trên đất là nhà ở riêng lẻ B2, tổng diện tích sử dụng 130m², diện tích xây dựng 67m², nhà 02 tầng. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã được bên vay và bên cho vay thống nhất thỏa thuận giá trị định giá là 522.000.000đồng, giá trị định giá này làm cơ sở xác định hạn mức cho vay tối đa, không có giá trị khi phát mại tài sản.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 115/2016/HĐHMTD ngày 01/02/2016, giấy nhận nợ ngày 02/02/2016, hợp đồng mua bán hàng hóa, ủy nhiệm chi Hải Dương đã giải ngân cho vợ chồng ông P, bà H vay số tiền 350.000.000đồng, được chuyển khoản vào tài khoản số 32000013983165 của ông Đặng Văn T mở tại S Hải Dương, mục đích thanh toán tiền mua hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi vay vốn, ông P và bà H mới trả Ngân hàng được 8.000.000đồng tiền lãi, sau đó ông P và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng các cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 115/2016/HĐHMTD ngày 01/02/2016 nên khoản tiền vay đã bị quá hạn nhiều ngày, kể từ khi khoản vay bị quá hạn, S đã đôn đốc nhiều lần yêu cầu ông P và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông P và bà H không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng. Do ông P và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với S nên Ngân hàng S khởi kiện ra Tòa án:

1. Yêu cầu ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 115/2016 ngày 01/02/2016 cụ thể tạm tính đến ngày Ngân hàng nộp đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 tổng cộng là 435.743.591 đồng (Trong đó dự nợ gốc

350.000.000đồng, lãi trong hạn 8.749.514 đồng, lãi quá hạn 76.994.077 và lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 19/12/2017 cho đến khi ông P và bà H trả nợ xong.

2. Nếu ông P và bà H không thanh toán trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ, yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ông P và bà H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 115/2016/ HĐTC ngày 01/02/2016.

Đối với bị đơn ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập ông P, bà H đến Tòa án để làm việc nhưng ông P, bà H đều vắng mặt. Tòa án đã về địa phương, gia đình ông P để xác minh thì được địa phương và bố đẻ của ông P là ông Phạm Văn D cho biết: Do vợ chồng ông P phải vay tiền của nhiều người để buôn bán kinh doanh nhưng do làm ăn bị thua lỗ không có khả năng trả nợ nên năm 2016 vợ chồng ông P đã bỏ nhà đi làm ăn ở xa không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Gia đình có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc gửi cho vợ chồng ông Ph, do vợ chồng ông P không có mặt ở địa phương, địa chỉ nơi làm ăn của vợ chồng ông P thì ông không biết nên ông đã giao trả lại giấy cho UBND xã L để gửi trả lại cho Tòa án. Căn cứ địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp được ghi trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản tại thời điểm ông P và bà H giao kết với Ngân hàng để vay vốn, nên mặc dù ông P và bà H bỏ đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ cho nguyên đơn cũng như thân nhân của mình biết, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn không có bản tự khai, không có quan điểm gì đối với khoản tiền còn nợ Ngân hàng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông P và bà H thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 115/2016/HĐTC ngày 01/02/2016 thì thấy: Do nhà ông P và bà H khóa cổng, khóa cửa không có người trông coi nên các thành viên tham gia buổi xem xét thẩm định tại chỗ không vào được bên trong mà phải đứng bên ngoài quan sát để mô tả thì thấy toàn bộ tài sản nhà đất của vợ chồng ông P vẫn giữ nguyên không có biến động gì so với thời điểm đăng ký thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (S). Buộc ông P và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 115/2016 ngày 01/02/2016 cụ thể

tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2018 tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng là 449.185.300 đồng. Ông P và bà H còn phải tiếp tục trả lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong hợp đồng.

Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông P và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ (S) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc tiến hành phát mại tài sản ông P và bà H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 115/2016/HĐTC ngày 01/02/2016 để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp phát mại không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông P và bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho S số tiền còn thiếu.

Về án phí: Ông P và bà H phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật. Hoàn trả S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ông Phạm Quý P là Hộ kinh doanh cá thể được Phòng Tài chính – Kế hoạch UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 26/12/2011, ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng. Ngày 01/02/2016 ông P và bà H ký hợp đồng hạn mức tín dụng vay Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Hải Dương số tiền 350.000.000 đồng mục đích bổ sung vốn sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cốt pha các loại. Do ông P và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P và bà H trả nợ tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Phạm Quý P, bà Nguyễn Thị H được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực do ông P và bà H đang phải thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng giao kết giữa các bên, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông P và bà H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ nơi cư trú tại thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương đã được thể hiện trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, sau khi vay vốn ông P và bà H bỏ địa chỉ nơi cư trú đi làm ăn nhưng cũng không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện, chính quyền địa phương và thân nhân của ông P biết, điều đó chứng tỏ ông P và bà H cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết

số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Thân nhân của ông P đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho ông P, Tòa án đã thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn đảm bảo thời gian theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng số115/2016 ngày 01/02/2016 kèm theo Giấy nhận nợ lần thứ nhất ngày 02/02/2016 thì thấy: Ngày 01/02/2016 ông P và bà H ký Hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Hải Dương số tiền 350.000.000đồng. Trên cơ sở hợp đồng kinh tế số 03/2016/HĐMBHH ngày 16/01/2016 giữa bên bán ông Đặng Văn T và bên mua ông Phạm Quý P và giấy ủy nhiệm chi ngày 02/02/2016 của ông Phạm Quý P, SeABank – Chi nhánh Hải Dương đã giải ngân số tiền 350.000.000đồng chuyển vào tài khoản số 32000013983165 của ông Đặng Văn T ở G, G, Hải Dương mở tại S- Chi nhánh Hải Dương mục đích thanh toán tiền mua hàng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa bên cho vay vốn S – Chi nhánh Hải Dương và bên vay vốn vợ chồng ông P và bà H thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự, các Điều 90,91,93,95 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

2.2. Đối chiếu với các điều khoản trong hợp đồng hạn mức tín dụng, giấy nhận nợ cũng như quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông P và bà H đã trả được SeABank 8.000.000đồng tiền lãi, ngoài ra ông P và bà H không trả Ngân hàng được đồng nào. Như vậy ông P và bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 7 và Điều 10 của Hợp đồng tín dụng và nội dung cam kết của bên vay trong giấy nhận nợ. Nên S khởi kiện yêu cầu ông P và bà H phải trả số tiền nợ gốc và lãi để thu hồi nợ là có căn cứ. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa về thông tin dư nợ đối với khoản tiền vay của ông P và bà H phải trả. Cụ thể: Tiền nợ gốc còn nợ tính đến ngày 28/3/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 350.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn là 16.170.000 đồng, lãi nợ gốc quá hạn là 91.015.300đồng, tổng số tiền lãi suất ông P, bà H phải trả là 107.185.3000 đồng được trừ đi số tiền 8.000.000đồng đã trả, số tiền lãi còn phải trả là 99.185.300đồng. Như vậy tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất ông P và bà H phải trả tính đến ngày 28/3/2018 là 449.185.300 đồng. Ông P và bà H còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 29/3/2018 cho đến ngày ông P và bà H trả nợ hết số nợ gốc còn lại cho S với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng.

2.3. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì thấy: Ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H thế chấp tài sản cho bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP

Đ – Chi nhánh Hải Dương bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 115/2016/HĐTC lập ngày 01/02/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Gia Trinh; địa chỉ: Khu A, thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gia Lộc) đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 323 của Bộ luật dân sự; Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 115/2016/HĐTC lập ngày 01/02/2016 có giá trị pháp lý kể từ thời điểm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Gia Lộc chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 01/02/2016. Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 115/2016/HĐTC lập ngày 01/02/2016 thì tài sản ông P và bà H thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay của hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng diện tích 101m² đất ở, tại thửa đất số 573, tờ bản đồ số 06; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương, tài sản gắn liền với đất nhà ở riêng lẻ b2, diện tích xây dựng 67,0m², diện tích sàn 130,0m². Bên thế chấp tài sản và bên nhận thế chấp tài sản thỏa thuận định giá trị giá 522.000.000đồng, việc định giá chỉ làm cơ sở cấp hạn mức tín dụng, không có giá trị khi xử lý phát mại tài sản. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 115/2016 ngày 01/02/2016 có nội dung, hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên, khi đến thời hạn trả nợ bên vay vốn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì S được quyền xử lý một phần hoặc toàn bộ tài sản thế chấp và thực hiện các quyền của S theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và quy định tại các Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự và Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm .

2.4. Căn cứ quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 115/2016 ngày 01/02/2016 thì ông P và bà H ông không thanh toán trả nợ tiền gốc và tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng đã vi phạm quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do vậy nếu ông P và bà H không thanh toán trả nợ, S có quyền yêu cầu xử lý tài sản của ông P và bà H đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 7 của hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa ông P và bà H với S là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc, lãi tính đến ngày 28/3/2018 là 449.185.300 đồng nên phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại cụ thể số tiền án phí ông P và bà H phải chịu là 20.000.000+(49.185.300 đồng x 4% = 1.967.412 đồng) = 21.967.412đồng. Yêu cầu của nguyên đơn S

được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 271, 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. các Điều 116, 117, 274, khoản 1 Điều 275, 280, khoản 2 Điều 292, 299, 317, khoản 1 Điều 318, 319, 320, 322, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 4, Điều 306 Luật thương mại. Các Điều 90, 91, 93, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (S).

Buộc ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 350.000.000đồng; tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn còn lại là 99.185.300 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi suất ông P và bà H phải trả là 449.185.300 đồng (Tính đến ngày 28/3/2018). Kể từ ngày 29/3/2018 ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ của số tiền còn nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số nợ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tiến hành phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 573, tờ bản đồ số 6, diện tích 101,0m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN744451 do UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cấp ngày 20/5/2014 mang tên ông Phạm Quý P và bà Nguyễn Thị H. Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở riêng lẻ B2, tổng diện tích sử dụng 130m², diện tích xây dựng 67m², nhà 02 tầng. Nếu phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông P và bà H tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền còn thiếu. Nếu thừa thì trả lại cho ông Phạm Quý P, bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí: Ông Phạm Quý P, bà Nguyễn Thị H phải chịu 21.967.412 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 9.150.000đồng tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AB/2014/0003668 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc,
- Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Minh Yến